

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Ông Bùi Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị C; Sinh năm: 1988

HKTT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ hiện nay: Xóm 3, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn C; Sinh năm: 1991

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Lan A, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng Cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Anh và chị C đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng anh cũng đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn, anh C đồng ý giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị C được ly hôn anh Bùi Văn C; Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 17/9/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh C đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Về hôn nhân: Chị Mai Thị C và anh Bùi Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị C và anh C đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị C và anh C đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị C và anh C đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai Thị C và anh Bùi Văn C được ly hôn.

[5]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Lan A, sinh ngày 17/9/2012. Cả anh C và chị C đều có nguyện vọng giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ, bản thân cháu lại là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị C và anh C, giao cháu A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

[6]. Về tài sản: Chị C và anh C không yêu cầu nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị C và anh Bùi Văn C được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 17/9/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Anh C có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Mai Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2018/0002781 ngày 22/6/2020, chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Mai Thị C và anh Bùi Văn C. Chị C và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc